

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2024

Kính gửi: - UBCKNN
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- **Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CAO SU ĐỒNG NAI**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3600986703
- **Vốn điều lệ: 21.332.710.000 đồng (Hai mươi một tỷ, ba trăm ba mươi hai triệu, bảy trăm mười nghìn đồng).**
- **Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 21.332.710.000 đồng (Hai mươi một tỷ, ba trăm ba mươi hai triệu, bảy trăm mười nghìn đồng).**
- **Địa chỉ: Khu phố Trung Tâm - Phường Xuân Lập - Thành phố Long Khánh - Tỉnh Đồng Nai.**
- **Điện thoại: (0251).3724.648**
- **Website: www.dorucon.com.vn**
- **Mã Chứng khoán: CDR**
- **Sàn giao dịch: Upcom.**

Quá trình hình thành và phát triển:

- Xuất phát từ yêu cầu về việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật hạ tầng kiến trúc phục vụ sản xuất và đời sống của Tổng công ty Cao su Đồng Nai (trước là Công ty Cao su Đồng Nai) một đơn vị trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam ngày càng cao, bên cạnh đó với mục tiêu chuyên môn hoá lĩnh vực xây lắp và đa dạng hoá các ngành nghề kinh doanh, nhằm xây dựng Tổng công ty Cao su Đồng Nai thành một đơn vị mạnh về kinh tế.

- Ngày 01 tháng 01 năm 1987 Xí nghiệp Xây dựng được thành lập với nòng cốt là một số cán bộ công nhân viên Ban quản lý công trình thuộc Công ty Cao su Đồng Nai.

- Theo yêu cầu về cơ chế quản lý của Nhà nước, năm 1994 Xí nghiệp Xây dựng được chuyển đổi thành Xí nghiệp Xây dựng và Giao thông theo quyết định số 142/CSDN/QĐ, Xí

Công ty cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai

ngành Xây dựng và Giao thông là đơn vị kinh tế cơ sở hoạch toán phụ thuộc, được sử dụng con dấu riêng và được mở tài khoản chuyên thu, chuyên chi tại ngân hàng địa phương theo quy định của Nhà nước.

- Xí nghiệp Xây dựng và Giao thông hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đơn vị trực thuộc Nhà nước số 301736 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 28/11/1994.

- Với xu thế chung của việc cổ phần hoá Doanh nghiệp nhà nước. Đến năm 2008 Xí nghiệp Xây dựng và Giao thông tiến hành cổ phần hoá theo quyết định số 3116/QĐ-BNN-ĐMDN của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn ngày 24/10/2006 và đổi tên thành Công ty cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai.

- Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000510 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 05/03/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 15/12/2021 với chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600986703.

- Nhìn lại chặng đường hoạt động và trưởng thành cùng với phong trào thi đua sản xuất của Công ty cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai đã khắc phục vượt qua nhiều khó khăn thử thách luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Những thành quả đạt được nói trên cũng được Đảng và Nhà Nước biểu dương khen thưởng Huân Chương Lao Động hạng II và III cho đơn vị.

+ Công ty quy tụ đội ngũ kỹ sư nhiều kinh nghiệm và công nhân kỹ thuật lành nghề, trang thiết bị đủ loại, nhập từ nhiều nước (Nhật, Pháp, Mỹ, Nga...) sau hơn 25 năm phấn đấu, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (1987- 2012), Công ty vinh dự được Đảng, nhà nước tặng thưởng Huân chương lao động hạng nhì, hạng ba; được Bộ xây dựng tặng nhiều huy chương vàng chất lượng cao.

+ Công ty đã xây dựng nhiều công trình trong nước đạt chất lượng cao: các công trình công nghiệp, dân dụng, trụ sở, nhà làm việc, nhà ở, trung tâm thương mại; công trình giáo dục, y tế, văn hóa-thể thao, quân đội; thi công các khu xử lý nước thải phục vụ tại các nhà máy v.v...

+ Năm 2009 Công ty cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai thành lập công ty con: Công ty Xây dựng Đồng Nai – Kratie (Dokrac Co., Ltd) tại Vương Quốc Campuchia.

+ Năm 2010 thành lập Công ty con: Công ty Xây dựng Đồng Nai – Pakse (Dopaco) tại nước Lào.

+ Tháng 10/2014 thành lập Công ty con: Công ty TNHH MTV Xây dựng Cao su An Lộc tại Việt Nam.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

1	1629	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện. (Không SX tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về chủ trương đầu tư và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)
2	7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Tư vấn thiết kế, giám sát, công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật).
3	2013	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh (Không SX tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về chủ trương đầu tư và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)
4	4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (về VLXD, không chứa hàng tại trụ sở)
5	4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (thực hiện theo quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ)(trừ động vật hoang dã thuộc danh mục cấm)
6	4312	Chuẩn bị mặt bằng
7	4311	Phá dỡ
8	4321	Lắp đặt hệ thống điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)
9	7020	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, tư vấn thiết kế, khảo sát, giám sát xây dựng; chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định).
10	2396	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá (Không hoạt động tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về chủ trương đầu tư và có đủ điều

Công ty cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai

		kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)
11	4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)
12	4291	Xây dựng công trình thủy
13	4292	Xây dựng công trình khai khoáng
14	4293	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo
15	4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
16	0210	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp (Không hoạt động tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về chủ trương đầu tư và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)
17	4221	Xây dựng công trình điện
18	4222	Xây dựng cấp, thoát nước
19	4223	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc
20	4229	Xây dựng công trình công ích khác
21	4211	Xây dựng công trình đường sắt
22	4212 (chính)	Xây dựng công trình đường bộ
23	2395	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao (Không SX tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về chủ trương đầu tư và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)
24	0231	Khai thác lâm sản từ gỗ (Không hoạt động tại trụ sở, chỉ hoạt động khi được cấp giấy phép khai thác và có đủ điều kiện theo quy định của

		pháp luật)
25	4101	Xây dựng nhà để ở
26	4102	Xây dựng nhà không để ở
27	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật và thực hiện theo điều 11 Luật Kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014)
28	6820	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Trừ đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất)(chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật).
29	3700	Thoát nước và xử lý nước thải (Không hoạt động tại trụ sở, chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)
30	3811	Thu gom rác thải không độc hại (không hoạt động tại trụ sở; chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT, ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại; không chứa hàng tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về chủ trương đầu tư)
31	3812	Thu gom rác thải độc hại (không hoạt động tại trụ sở; chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT, ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại; không chứa hàng tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về chủ trương đầu tư)
32	3821	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại

		(không hoạt động tại trụ sở; chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT, ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại; không chứa hàng tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về chủ trương đầu tư)
33	3822	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại (không hoạt động và chứa hàng tại trụ sở; chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về chủ trương đầu tư và phù hợp với quy hoạch của tỉnh tại Quyết định số 2862/ QĐ-UBND ngày 03/11/2011 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Phê duyệt quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2025, chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT, ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại)
34	3900	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác (không hoạt động tại trụ sở; chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận và có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)

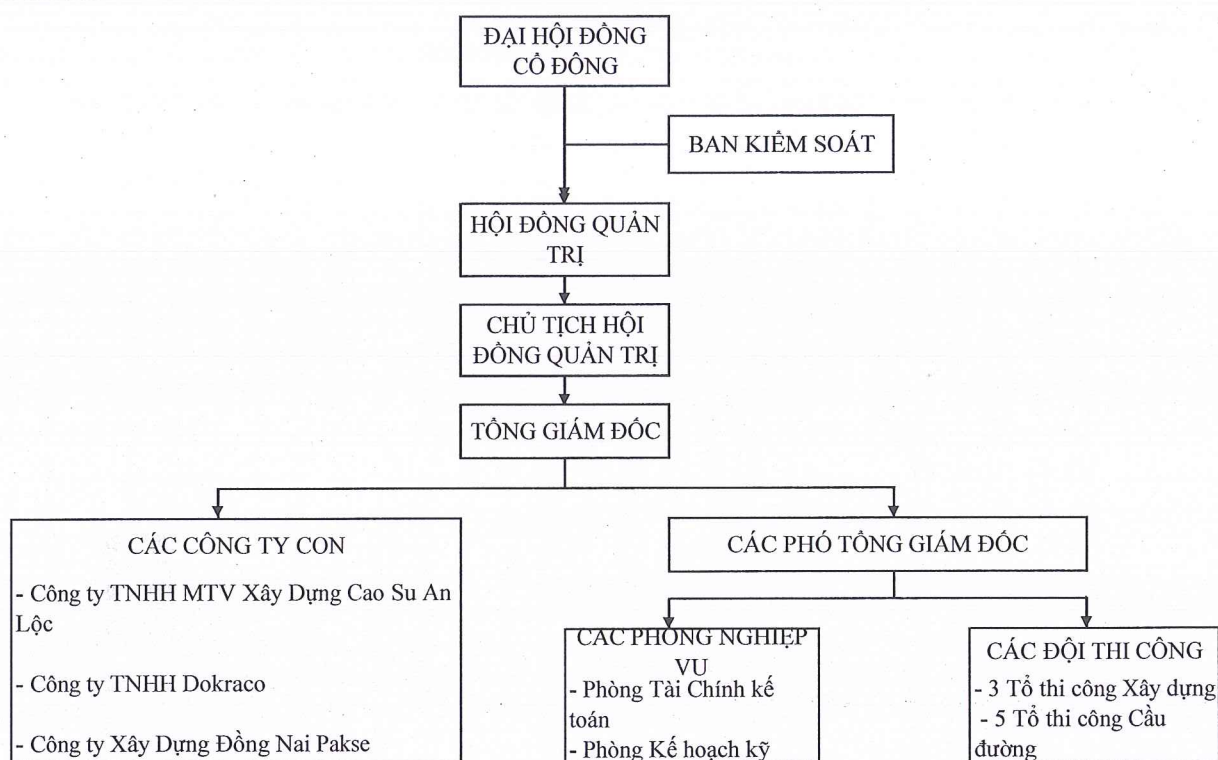
- Địa bàn kinh doanh: Thi công các Công trình chủ yếu ở địa bàn tỉnh Đồng Nai: Huyện Thống Nhất, Huyện Long Thành, Huyện Trảng Bom, Huyện Cẩm Mỹ, và Công ty TNHH MTV Tổng công ty Cao su Đồng Nai...

Thi công các công trình Khu công Nghiệp: KCN Dầu Giây, KCN Long Khánh, KCN Thống Nhất.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị, bộ máy quản lý:

Công ty cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai



- Công ty con:

+ *Vốn điều lệ các Công ty con và tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ:*

STT	Tên Công ty	Vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2022	Vốn góp của Công ty mẹ	
1	Công ty Dokraco Co., Ltd	60.000 USD	60.000 USD	100%
2	Công ty Xây dựng Đồng Nai – Pakse	80.000 USD	0	0%
3	Công ty TNHH MTV Xây dựng Cao su An Lộc	2.000.000.000 VNĐ	2.000.000.000 VNĐ	100%

+ *Ngành nghề kinh doanh chính của các Công ty con:*

▪ Công ty Dokraco Co., Ltd:

- Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 287/ BKH – ĐTRNN, Ngày cấp 16/10/2009 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp.
- Giấy phép Bộ Thương Mại Campuchia cấp số Co.6288/09E, ngày 23/11/2009.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Làm dịch vụ và tổ chức thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị, hoàn thiện các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông cho các nhà đầu tư Việt Nam và các nhà đầu tư khác tại Vương Quốc Campuchia.
- Địa Chỉ: tỉnh Kratie, Vương Quốc Campuchia.
- ĐT: 00855 72971519; Fax: 00855 72971510

▪ Công ty Xây dựng Đồng Nai – Pakse:

Công ty cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai

○ Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 357/ BKH - ĐTRNN, Ngày cấp 11/06/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp.

○ Giấy phép kinh doanh số 1922/PĐK ngày 16/12/2010 do Sở Thương Mại Tỉnh Champasak cấp .

○ Ngành nghề kinh doanh chính: Làm dịch vụ và tổ chức thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị, hoàn thiện các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, nông nghiệp, thủy lợi.

○ Địa Chỉ: Km6, đường 13, Bản Hội Nhãn Khăm, huyện Pakse, tỉnh Champasak, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

○ ĐT: 00 856 2099770939

▪ Công ty TNHH MTV Xây dựng Cao su An Lộc (tên viết tắt: ANRUCON):

○ Giấy phép kinh doanh số: 3603220466, do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 23 tháng 10 năm 2014.

○ Ngành nghề kinh doanh chính: Làm dịch vụ và tổ chức thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị, hoàn thiện các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, nông nghiệp, thủy lợi.

○ Địa Chỉ: Khu phố Trung Tâm – Phường Xuân Lập – Thành phố Long Khánh – Tỉnh Đồng Nai.

○ ĐT: (0251).3724.646; (0251).3724.648

4. Định hướng phát triển:

- Công ty tập trung bám chắc lĩnh vực kinh doanh chính: Thi công xây dựng và cầu đường; khai thác tối đa thị trường truyền thống, mở rộng thi công đường xá và các công trình kiến trúc tại các huyện thị lân cận. Phấn đấu phát triển liên tục hai mảng thị trường đầy tiềm năng: thị trường thi công hạ tầng các Khu công nghiệp trong nước; thị trường thi công hạ tầng công trình.

- Công ty Luôn phấn đấu doanh thu ngày càng cao.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

a. Mạnh dạn và liên tục mở rộng thi công đường xá và các công trình kiến trúc; Khối huyện, Khu công nghiệp, Khu dân cư. Đặc biệt, chú trọng đeo bám thi công các công trình giao thông.

b. Trong tương lai kế hoạch các năm tới, cần kiên trì bám chắc và khai thác tối đa 2 mảng thị trường chủ yếu: thị trường thi công trong nước; thị trường tại các khu công nghiệp.

5. Các rủi ro:

a. Tình hình các Công ty Xây dựng vẫn còn khó khăn nhất là về vốn kinh doanh rất lớn, các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và doanh nghiệp đầu tư bất động sản và thi công xây dựng nói riêng chắc chắn sẽ tiếp tục gặp nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh.

b. Hiện nay do tình hình kinh tế khó khăn, việc làm ít, các nhà thầu cố gắng bằng mọi giá để giành được hợp đồng. Điều đó dẫn đến các công trình để được chọn thầu tiếp tục bị hạ giá đến mức quá thấp, hiệu quả SXKD đạt được không cao, thậm chí có khả năng bị thua lỗ.

c. Vốn lưu động để thực hiện thi công hoàn thành công trình thời gian qua tuy đã có nhiều khắc phục, nhưng trong thời gian tới chắc chắn cũng còn gặp nhiều khó khăn.

PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2024:

I. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

1/ Kết quả thực hiện giá trị doanh thu năm 2024: Tổng giá trị doanh thu: 135,335 tỷ đồng, đạt 103% kế hoạch (Kế hoạch 131,650 tỷ đồng).

II. Tổ chức và nhân sự :

1. Danh sách Ban điều hành:

- **Ông Nguyễn Văn Thạnh** (bổ nhiệm 02/10/2024) - Chủ tịch HĐQT Công ty.
 - Địa chỉ: KP. Suối Tre - P. Suối Tre - TP. Long Khánh - Đồng Nai.
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân TCKT .
 - Số cổ phần sở hữu: 13.333 CP
 - Số cổ phần đại diện: 426.446 CP
- **Ông Lê Thành Trung** (miễn nhiệm 02/10/2024) - nguyên Chủ tịch HĐQT
 - Địa chỉ: P. Xuân An - TP. Long Khánh - Đồng Nai.
 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Môi trường .
 - Số cổ phần sở hữu: 0 CP
 - Số cổ phần đại diện: 0 CP
- **Ông Hồ Văn Nhã** - Thành viên HĐQT; Tổng Giám đốc Công ty
 - Địa chỉ: KP. Trung Tâm - P. Xuân Lập - TP. Long Khánh - Đồng Nai.
 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng.
 - Số cổ phần sở hữu: 35.600 CP
 - Số cổ phần đại diện: 0 CP
- **Ông Nguyễn Duy Văn** - Thành viên HĐQT; P.Tổng Giám đốc Công ty
 - Địa chỉ: 268 Nguyễn Văn Cừ - P. Xuân Hòa - TP. Long Khánh - Đồng Nai.
 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây Dựng.
 - Số cổ phần sở hữu: 7.066 CP

Công ty cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai

- Số cổ phần đại diện: 0 CP
- **Ông Đặng Hoàng Lâm** - P.Tổng Giám đốc Công ty (Bổ nhiệm chức danh P.Giám đốc từ ngày 28/04/2022)
 - Địa chỉ: Xã Hưng Lộc - Huyện Thống Nhất - Đồng Nai.
 - Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản trị kinh doanh, Kỹ sư Cơ khí, .
 - Số cổ phần sở hữu: 2.928 CP
 - Số cổ phần đại diện: 0 CP

2. Danh sách lãnh đạo các phòng ban chức năng:

- **Ông Trần Quốc Thắng** - Trưởng phòng TCKT kiêm Kế toán trưởng (Bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng từ ngày 28/11/2022) .
 - Địa chỉ: KP. Suối Chồn - P. Bảo Vinh - TP. Long Khánh - Đồng Nai.
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.
 - Số cổ phần sở hữu: 0 CP
 - Số cổ phần đại diện: 0 CP.
- **Ông Lê Nguyễn Minh Trung** - Trưởng phòng Kỹ thuật (Bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng Kỹ thuật từ ngày 30/08/2023)
 - Địa chỉ: KP. Trung Tâm - P. Xuân Lập - TP. Long Khánh - Đồng Nai.
 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây Dựng.
 - Số cổ phần sở hữu: 0 CP
 - Số cổ phần đại diện: 0 CP
- **Ông Lê Cao Sơn** - Chánh văn phòng, kiêm phó phòng KH - KT.
 - Địa chỉ: B8 ấp Ngô Quyền - xã Bàu Hàm 2 - huyện Thống Nhất - Đồng Nai.
 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây Dựng.
 - Số cổ phần sở hữu: 100 CP

3. Những thay đổi trong ban điều hành: không

4. Số lượng cán bộ công nhân viên:

- Tổng số lượng cán bộ công nhân viên toàn Công ty có tham gia BHXH lâu dài tính đến 31/12/2024 là 40 người (Công ty mẹ: 28; Công ty Anrucon: 12). Đồng thời Công ty còn sử dụng thời vụ thường xuyên bình quân khoảng trên 300 người.

- Chính sách đối với người lao động:

- Bảo đảm đầy đủ chế độ chính sách cho người lao động theo đúng quy định của Nhà nước.

Công ty cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai

- Đảm bảo công việc đầy đủ cho người lao động, đảm bảo thu nhập phù hợp với năng lực.
- Có chính sách khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có công lao đóng góp cho Công ty, có biện pháp kỷ luật đối với những cá nhân có hành động ảnh hưởng xấu đến quyền lợi và uy tín của Công ty.
- Phối hợp với các cấp đoàn thể thường xuyên tổ chức các hoạt động tập thể nhân dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn để khuyến khích, động viên tinh thần người lao động như: Kỷ niệm ngày Quốc tế phụ nữ 8/3; Kỷ niệm ngày phụ nữ Việt Nam 20/10; Khen thưởng cho con em CBCNV đạt thành tích cao trong học tập, tổ chức tặng quà cho các cháu là con em CBCNV nhân dịp Quốc tế thiếu nhi 1/6, tết trung thu. Tổ chức đi tham quan hàng năm cho Công nhân lao động giỏi. Quan tâm đến đời sống, nơi ăn chốn ở của người lao động, đặc biệt là những gia đình CBCNV có hoàn cảnh khó khăn để hỗ trợ kịp thời thông qua quỹ Mái ấm công đoàn của Công ty.
- Xây dựng kế hoạch đào tạo và tự đào tạo, yêu cầu tất cả các cán bộ quản lý điều hành hàng năm phải tham gia các lớp tập huấn bồi dưỡng kiến thức, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

III. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Các khoản đầu tư lớn, thực hiện trong năm:

a/ Trong nước:

Gồm một số công trình tiêu biểu:

- Hạ tầng Khu Tái định cư xã Long Đức - huyện Long Thành
- Trường THCS Duy Tân - huyện Thống Nhất
- Nâng cấp Đường ấp 4 Sông Nhạn
- Đường Yên Thế - huyện Trảng Bom
- Đường Song hành Quốc lộ 1 - huyện Thống Nhất
- Văn phòng KCN Dầu Giây

b/ Tóm tắt tình hình tài chính Công ty con năm 2024:

Tên Công ty	Tổng Tài sản	Doanh thu thuần	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế
Công ty Dokracos Co., Ltd	6.216.558.840	0	0	0
Công ty Anrucon	16.958.917.178	19.238.623.157	464.232.152	345.725.925
Công ty Đồng Nai – Pakse	4.103.704	0	0	0

(Nguồn: Phòng Tài chính kế toán)

IV. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	Tăng, Giảm (%)
Tổng giá trị tài sản	87,435,411,083	94,446,913,966	-7.4%
Doanh thu thuần	135,335,050,160	115,568,412,079	17.1%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2,571,744,462	1,376,409,912	86.8%
Lợi nhuận khác	-711,819,168	222,416,976	-420.0%
Lợi nhuận trước thuế	1,859,925,294	1,598,826,888	16.3%
Lợi nhuận sau thuế	1,311,675,361	1,257,458,043	4.3%
Tỷ lệ trả cổ tức	6%	5%	20%

(Nguồn: Phòng Tài chính kế toán)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu	Công thức tính toán	Kỳ này	Kỳ trước
1.	Cơ cấu nguồn vốn			
	Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	Nợ phải trả	61,130,673,049	68,400,356,100
		Tổng nguồn vốn	87,435,411,083	94,446,913,966
		%	69.92%	72.42%
	Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn (Hệ số tài trợ)	Nguồn vốn chủ sở hữu	26,304,738,034	26,046,557,866
		Tổng nguồn vốn	87,435,411,083	94,446,913,966
		%	30.08%	27.58%
	Tỷ số Nợ phải trả / Tổng tài sản (Hệ số nợ)	Nợ phải trả	61,130,673,049	68,400,356,100
		Tổng tài sản	87,435,411,083	94,446,913,966
2.		%	69.92%	72.42%
	Khả năng thanh toán			
	Tỷ lệ thanh toán tổng quát	Tổng tài sản	87,435,411,083	94,446,913,966
		Nợ phải trả	61,130,673,049	68,400,356,100
		lần	1.43	1.38
	Tỷ lệ thanh toán hiện hành	Tài sản ngắn hạn	86,775,776,519	93,595,795,248
		Nợ ngắn hạn	61,130,673,049	68,400,356,100
		lần	1.42	1.37
	Tỷ lệ thanh toán nhanh	Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn	56,576,625,752	79,446,173,825

Công ty cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai

		kho			
		Nợ ngắn hạn		61,130,673,049	68,400,356,100
			lần	0.93	1.16
	Tỷ lệ thanh toán tức thời	Tiền và các khoản tương đương tiền	=	26,436,125,286	19,661,361,535
		Nợ ngắn hạn	lần	61,130,673,049	68,400,356,100
				0.43	0.28
3.	Chỉ số sinh lời				
	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	Lợi nhuận sau thuế	=	1,311,675,361	1,257,458,043
		Doanh thu thuần	%	135,335,050,160	115,568,412,079
				0.97%	1.09%
	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản bình quân (ROA)	Lợi nhuận sau thuế	=	1,311,675,361	1,257,458,043
		Tổng tài sản bình quân [(ĐK+CK)/2]	%	90,941,162,525	73,264,423,565
				1.44%	1.72%
	Khả năng sinh lời của vốn chủ sở hữu (ROE)	Lợi nhuận sau thuế	=	1,311,675,361	1,257,458,043
		Nguồn vốn chủ sở hữu bình quân [(ĐK+CK)/2]	%	26,175,647,950	25,575,107,325
				5.01%	4.92%
4.	Chỉ số hoạt động				
	Số vòng quay các khoản phải thu	Doanh thu thuần	=	135,335,050,160	115,568,412,079
		Số dư bình quân các khoản phải thu [(ĐK+CK)/2]	=	38,435,581,856	45,172,856,306
			lần	3.52	2.56
	Thời gian thu tiền bình quân (= thời gian kỳ phân tích / số vòng quay các khoản phải thu)		ngày	103.66	142.67
	Số vòng quay các khoản phải trả	Giá vốn hàng bán	=	123,138,303,516	106,860,229,671
		Số dư bình quân khoản phải trả người bán [(ĐK+CK)/2]	=	9,604,117,139	10,847,648,359
			lần	12.82	9.85
	Thời gian trả tiền bình quân (= thời gian kỳ phân tích / số vòng quay các khoản phải trả)		ngày	28.47	37.05
	Số vòng quay hàng tồn kho	Giá vốn hàng bán	=	123,138,303,516	106,860,229,671
		Mức tồn kho bình quân [(ĐK+CK)/2]	=	22,174,386,095	9,069,697,097
			lần	5.55	11.78
	Thời gian quay vòng của hàng tồn kho (= thời gian kỳ phân tích / số vòng quay hàng tồn kho)		ngày	65.73	30.97

Công ty cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai

	Doanh thu thuần		135,335,050,160	115,568,412,079
Số vòng quay vốn lưu động	Vốn lưu động bình quân [(ĐK+CK)/2]	=	25,420,271,309	24,652,371,729
		lần	5.32	4.69
Thời gian quay vòng của vốn lưu động (= thời gian kỳ phân tích / số vòng quay vốn lưu động)		ngày	68.56	77.86

(Nguồn: Phòng Tài chính kế toán)

V. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) **Cổ phần:** Số cổ phần đang lưu hành: 2.133.271 CP

b) **Cơ cấu cổ đông:**

c) - Vốn điều lệ Cty : 21.332.710.000 đồng

- Mệnh giá : 10.000 đồng/CP

- Tổng số cổ đông đầu năm : 283 cổ đông

- Tổng số cổ đông đến ngày chốt danh sách (ngày 09/09/2024): 957 cổ đông

+ Cổ đông Nhà nước : 618.666 CP, chiếm 29,0% VDL

+ Cổ đông Cty CP cao su Hòa Bình: 266.666 CP, chiếm 12,5% VDL

+ Cổ đông Cty CP Tập đoàn ST8 : 320.400 CP, chiếm 15,02% VDL

+ Cổ đông là các thể nhân : 927.539 CP, chiếm 43,48% VDL

d) **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** 21.332.710.000 đồng

e) **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có.

f) **Các chứng khoán khác:** Không có.

VI. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:

6.1 Tác động lên môi trường: Tuân theo qui định pháp luật hiện hành.

6.2 Quản lý nguồn nguyên vật liệu: Tuân theo qui định pháp luật hiện hành.

6.3 Tiêu thụ năng lượng: Tuân theo qui định pháp luật hiện hành.

6.4 Tiêu thụ nước: sử dụng chủ yếu theo yêu cầu trên công trình thi công, chú ý đảm bảo có trách nhiệm với công tác tiết kiệm nguồn nước tài nguyên thiên nhiên đất nước.

- Nguồn sử dụng: tại địa phương, hoặc tại công trình thi công.

- Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không có

6.5 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường: Tuân thủ tốt theo qui định

Công ty cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các qui định về môi trường: không có.
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm không tuân thủ luật pháp và các qui định về môi trường: không có.

6.6 Chính sách liên quan đến người lao động:

- a) Số lượng lao động: 40 người, mức lương trung bình: 8.500.000 đồng/người/tháng.
- b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Hàng năm Công ty điều tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ người lao động, và tổ chức học tập về an toàn lao động cho người Công nhân.
- c) Hoạt động đào tạo người lao động: Công ty tổ chức thi lên bậc thợ cho Công nhân, có chế độ ưu đãi khuyến khích cho người lao động học tiếp lên Trung học, Cao đẳng, Đại học về phục vụ cho Công ty.

6.7 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương: Công ty luôn có trách nhiệm chia sẻ đối với cộng đồng tại địa phương.

6.8 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: đạt yêu cầu.

PHẦN III: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

I. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Kết quả thực hiện giá trị doanh thu năm 2024: Tổng giá trị doanh thu: 135,355 tỷ đồng, đạt 103% kế hoạch (Kế hoạch 131,650 tỷ đồng).

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN NĂM 2024	KẾ HOẠCH NĂM 2024	TỶ LỆ T.H/ K.H
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	135.335.050.160	131.650.000.000	103%
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	135.335.050.160	131.650.000.000	
3. Giá vốn hàng bán	123.138.303.516	123.130.000.000	
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.196.746.644	8.520.000.000	143%

Công ty cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai

5. Doanh thu hoạt động tài chính	111.625.025	-	
6. Chi phí tài chính	2.960.644.878	1.200.000.000	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	2.960.644.878	1.200.000.000	
7. Chi phí bán hàng	6.000.000	-	
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.769.982.329	5.700.000.000	
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.571.744.462	1.620.000.000	159%
10. Thu nhập khác	1.080.408	180.000.000	
11. Chi phí khác	712.899.576	-	
12. Lợi nhuận khác	(711.819.168)	180.000.000	
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.859.925.294	1.800.000.000	103%
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	548.249.933	350.000.000	
15. Tổng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.311.675.361	1.450.000.000	90%
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	615	600	

(Nguồn: Phòng Tài chính kế toán Công ty)

Trong quá trình thực hiện kế hoạch năm 2024, nhìn chung Công ty vẫn giữ vững các thị trường có sẵn, tiếp tục mở rộng mạnh mẽ các thị trường tiềm năng, luôn tìm cách tăng cường sức cạnh tranh. Về tài chính cơ bản chúng ta kiểm soát được dòng tiền, kiểm soát thu chi, các khoản công nợ lớn, đảm bảo thanh khoản đối với các nhà cung cấp vật tư, trả kịp thời các khoản vay sắp đáo hạn, giữ được uy tín với ngân hàng. Đại bộ phận CBCNV Cty đã phấn đấu hết mình khắc phục mọi khó khăn để có thể hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ được phân công, từ đó về cơ bản đã đem lại việc hoàn thành kế hoạch đề ra trong toàn Công ty.

Tuy vậy, ngoài những thuận lợi chủ yếu nêu trên, cũng còn nhiều hạn chế tồn tại như: khó khăn về vốn xây dựng cơ bản, thủ tục thanh quyết toán công trình còn kéo dài; việc thu hồi công nợ... Sự cạnh tranh giữa các nhà thầu, nhà sản xuất ngày càng gay gắt quyết liệt. Việc đảm bảo việc làm cho các Tổ thi công chưa liên tục, có công trình gói đầu...

II. Tình hình tài chính:

Năm 2024, hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị vẫn ổn định so với năm 2023. Doanh thu thuần tăng 17%, Lợi nhuận trước thuế tăng 16%, nhưng do các chính sách về thuế thu nhập doanh nghiệp thay đổi nên lợi nhuận sau thuế chỉ tăng 4%. Tổng tài sản giảm 7%, chủ yếu giảm do đã thu hồi các khoản phải thu ngắn hạn, khoản phải thu chiếm 25% Tổng tài sản, hàng tồn kho chiếm 34% Tổng tài sản. Việc chưa thu được nợ cao và chậm hoàn tất hồ sơ thanh quyết toán công trình dẫn đến chưa có nguồn để thanh toán kịp thời cho các nhà cung cấp và các khoản vay ngân hàng (nợ phải trả chiếm 70% Tổng nguồn vốn). Điều này thể hiện các khoản phải thu và hàng tồn kho đang ảnh hưởng lớn trong cơ cấu

Công ty cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai

Tổng tài sản và nợ phải trả, việc này sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh nếu các khoản phải thu trở thành khó thu hồi và việc hoàn tất hồ sơ thanh quyết toán công trình bị kéo dài.

Doanh thu tăng, chi phí tăng, lợi nhuận tăng tương ứng so với doanh thu. Tuy nhiên khả năng sinh lợi vẫn thấp và thấp hơn nhiều so với bình quân ngành.

- Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:

Hệ số thanh toán ngắn hạn: 1.42

Hệ số thanh toán nhanh: 0.93

Hệ số thanh toán duy trì ở mức ổn định, tài sản lưu động đảm bảo an toàn cho nợ ngắn hạn. Trong ngắn hạn, Công ty có khả năng xoay vòng được giữa nợ và tài sản, đảm bảo được khả năng thanh toán ổn định, duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh liên tục.

- Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:

Hệ số nợ/Tổng tài sản: 70%

Tổng tài sản của Công ty được huy động từ 70% nợ và 30% vốn. Nợ gấp 2,3 lần vốn, Công ty gặp rủi ro trong việc thu hồi và trả nợ, vấn đề xoay vòng vốn.

- Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:

Hệ số giá vốn hàng bán/hàng tồn kho bình quân: 5,55

Hệ số doanh thu thuần/Vốn lưu động bình quân: 5,32

Công ty quản lý được vốn lưu động và hàng tồn kho. Hệ số vòng quay hàng tồn kho giảm gấp 2 so với năm trước do chậm hoàn tất hồ sơ thanh quyết toán công trình.

- Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:

Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần: 0,97%

Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu: 5.01 %

Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản: 1,44%

Năm 2024 vẫn giữ được hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định so với năm 2023, doanh thu tăng, lợi nhuận tăng, tỷ suất sinh lợi tăng, tuy nhiên tỷ suất sinh lợi chung vẫn rất thấp do đặc thù ngành.

III. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Công ty luôn cải tiến sắp xếp tổ chức các phòng, ban quản lý cho phù hợp với tình hình hiện tại của Công ty sao cho phù hợp, nhằm tiết kiệm chi phí quản lý, nâng cao năng suất làm việc là điều kiện sống còn của Công ty.

IV. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

1/ Tích cực mở rộng các thị trường tiềm năng và an toàn về mặt tài chính, đặc biệt là các khu công nghiệp, hạ tầng khu dân cư.

2/ Nỗ lực tối đa, có biện pháp hữu hiệu và quyết liệt, khắc phục mọi trở ngại, hoàn thành về trước tiến độ các hạng mục công trình đã được phân công. Chủ động lên kế hoạch lo đầy đủ các chứng từ văn bản cần thiết để nhanh chóng hoàn công và nghiệm thu.

3/ Cần rút ngắn thời gian thanh quyết toán với các Chủ đầu tư. Tiếp tục đảm bảo tính thanh khoản với ngân hàng để luôn có nguồn tiếp vốn lưu động ổn định, đảm bảo tiến độ các công trình lớn theo kế hoạch.

4/ Tiếp tục vận động toàn Công ty thực hiện triệt để tiết kiệm, ngoại trừ tiền lương, tiếp tục cắt giảm tối đa các khoản mục chi phí quản lý.

5/ Thực hiện tỷ suất tiền lương trên lãi gộp thay vì trên doanh thu giống như các năm trước, để kích thích tăng năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh.

6/ Ưu tiên tập trung nguồn lực hoàn thành các công trình lớn, nhanh chóng thanh quyết toán để có điều kiện về vốn, thúc đẩy các công trình còn lại.

V. Giải trình của Ban giám đốc với ý kiến kiểm toán (nếu có): không

VI. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty:

1/ Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải..): Công ty luôn đặt vấn đề môi trường lên hàng đầu. Công ty có trách nhiệm với việc tiết kiệm tiêu thụ nước, năng lượng điện, và khí thải ra môi trường, luôn tìm mọi biện pháp khắc phục, giảm đến mức thấp nhất về khí thải ra môi trường xung quanh.

2/ Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Công ty đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp cho 100% Công nhân lao động biên chế, luôn có chính sách đặc biệt chăm lo đến sức khỏe người lao động, hàng năm điều tổ chức cho người lao động khám sức khỏe định kỳ, thăm viếng hỏi thăm lao động bệnh tật, tai nạn, gia đình có ma chay...

3/ Đánh giá liên quan trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty luôn quan tâm đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương nơi sở tại vì Công ty xuất thân từ doanh nghiệp nhà nước luôn được địa phương quan tâm khen tặng Công ty đạt chuẩn môi trường xanh bảo vệ môi trường.

PHẦN IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

I. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty:

1. Hoạt động thi công công trình của Công ty:

▪ Công ty cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai bước vào thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm, trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới và trong nước còn gặp rất nhiều khó khăn, sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng vẫn trong tình trạng khó khăn, việc thi công xây lắp do đó cũng bị ảnh hưởng. Bên cạnh những công trình thi công đảm bảo tiến độ, thanh toán kịp thời thì tình trạng thi công cầm chừng vẫn xảy ra ở một số công trình do Chủ đầu tư thiếu vốn thanh toán, dẫn đến tiến độ thi công kéo dài, làm tăng chi phí quản lý, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh.

▪ Bằng những nỗ lực của Ban lãnh đạo từng đơn vị thành viên và sự chỉ đạo xuyên suốt từ Ban lãnh đạo Công ty mẹ thì hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị trong

toàn hệ thống vẫn được đảm bảo, mang lại những kết quả nhất định góp phần hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế đã được đề ra.

2. Công tác tài chính kế toán, thu hồi công nợ:

- Công tác tài chính kế toán được đánh giá là minh bạch, ổn định, phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu. Công ty duy trì và đảm bảo mức lợi nhuận để trả cổ tức cho cổ đông sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác, trích các quỹ theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật.

- Tình hình nợ đọng nhiều ở các công trình dẫn đến số dư nợ phải thu cao. Công ty vẫn phải vay vốn của các ngân hàng với số dư khá lớn để thi công.

3. Công tác đầu tư tài chính dài hạn:

- Đầu tư vào các Công ty con: Công ty vẫn duy trì mức đầu tư dài hạn tại các Công ty con với tỷ lệ sở hữu như trên tổng số vốn điều lệ của từng Công ty con luôn được bảo toàn vốn.

4. Công tác tổ chức, thực hiện chính sách với người lao động và trách nhiệm môi trường và xã hội:

- Trong tình hình kinh tế còn nhiều khó khăn, việc làm đối với ngành xây dựng còn rất khó khăn không liên tục, nhưng các Tổ thi công trong toàn Công ty đều cố gắng đảm bảo cho người lao động có việc làm ổn định, chế độ chính sách cho người lao động vẫn được đảm bảo, các hoạt động thể dục thể thao, giao lưu giữa các đơn vị vẫn được duy trì, tạo khí thế trong phong trào công nhân lao động.

- Công ty luôn đặt vấn đề môi trường lên hàng đầu trong việc kinh doanh chân chính của mình, do đó luôn phải có trách nhiệm bảo vệ môi trường và chung tay góp một phần nhỏ cho xã hội xanh tươi đẹp hơn là trên hết và thiên liêng của toàn Công ty.

II. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc:

- Với sự phân công nhiệm vụ rõ ràng, các thành viên trong Ban giám đốc đều luôn theo sát các hoạt động của Công ty. Việc triển khai các chủ trương, nghị quyết, quyết định của HĐQT luôn được Ban điều hành thực hiện với tinh thần trách nhiệm cao. Tình hình sản xuất kinh doanh; tình hình tài chính; tình hình đầu tư xây dựng cơ bản; tình hình nhân sự luôn được Ban điều hành và các cán bộ quản lý chú trọng.

- Ban điều hành thường xuyên trao đổi công việc thông qua các cuộc họp chính thức và theo bộ phận công việc có liên quan tạo được sự thông suốt trong việc điều hành và thực thi công việc.

- Trong điều kiện khó khăn của cả nền kinh tế thì các chính sách khen thưởng, phúc lợi kịp thời đã có tác dụng động viên tinh thần CBCNV trong công ty, tạo niềm tin vào Ban lãnh đạo Công ty. Đây là nỗ lực mà HĐQT ghi nhận công lao của Ban điều hành và cán bộ quản lý của Công ty trong năm qua.

III. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT:

- Tập trung kiểm tra, rà soát bố trí lại những lĩnh vực hoạt động ít hiệu quả và củng cố kiện toàn bộ máy để đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.
- Rà soát lại các quy chế quản lý nội bộ, nếu cần thiết phải sửa đổi, bổ sung các quy định mới cho phù hợp với thực tế và các quy định pháp luật hiện hành nhằm nâng cao chất lượng công tác quản lý và quản trị rủi ro của Công ty.
- Tăng cường công tác giám sát, báo cáo định kỳ đối với Ban điều hành và các cán bộ quản lý của Công ty.

PHẦN V: QUẢN TRỊ CÔNG TY

I/ Hội đồng quản trị :

1. Thành viên và cơ cấu của HĐQT: (danh sách thành viên HĐQT; tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên HĐQT, chức danh quản lý do từng thành viên HĐQT của công ty nắm giữ tại công ty khác.

ST T	Thành viên HĐQT	Chức vụ (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành)	Tỷ lệ Sở hữu CP có quyền biểu quyết
1	Nguyễn Văn Thanh	Chủ tịch HĐQT	19,99% (Đại diện 19,99%; sở hữu 0,6%)
2	Hồ Văn Nhã	TV HĐQT, Giám đốc	1,67% (Đại diện 0%; sở hữu 1,67%)
3	Nguyễn Chơn Cường	TV HĐQT không ĐH	12,5% (Đại diện 12,5%; sở hữu 0%)
4	Hoàng Trọng Phước Khánh	TV HĐQT không ĐH	9,15% (Đại diện 9,01%; sở hữu 0,14%)
5	Lê Cao Sơn	TV HĐQT, Thư ký	0,29% (Đại diện 0%; sở hữu 0,3%)
6	Nguyễn Duy Văn	TV HĐQT , P.G Đốc	0,33% (Đại diện 0%; sở hữu 0,33%)
7	Lê Thành Trung	CT HĐQT (Từ nhiệm 2/10/2024)	0% (Đại diện 0%; sở hữu 0%)
8	Nguyễn Văn Quang	TV HĐQT(Từ nhiệm 25/04/2024)	0% (Đại diện 0%; sở hữu 0%)

2. Các tiểu ban thuộc HĐQT : không

3. Hoạt động của HĐQT: đánh giá hoạt động của HĐQT, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp HĐQT, nội dung và kết quả của các cuộc họp:

- Các phiên họp thường kỳ: Theo quý để đánh giá kết quả hoạt động SXKD, việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên và HĐQT đối với Ban giám đốc và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- Họp bất thường quyết định các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT; sẽ tùy thuộc vào tính chất của sự kiện hoặc thời gian làm việc của các thành viên, Chủ tịch HĐQT sẽ triệu tập họp hoặc tổ chức xin ý kiến phê duyệt bằng văn bản.

- Tổng số buổi tham dự họp năm 2024:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Nguyễn Văn Thạnh (Bổ nhiệm 2/10/2024)	CT HĐQT	3/6	100%
2	Hồ Văn Nhã	TV HĐQT	6/6	100%
3	Nguyễn Chơn Cường	TV HĐQT	5/6	83%
4	Hoàng Trọng Phước Khánh	TV HĐQT	6/6	100%
5	Lê Cao Sơn	TV HĐQT	6/6	100%
6	Nguyễn Duy Văn	TV HĐQT	6/6	100%
7	Lê Thành Trung (Từ nhiệm 2/10/2024)	CT HĐQT	6/6	100%
8	Nguyễn Văn Quang (Từ nhiệm 25/04/2024)	TV HĐQT	1/6	17%

4. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập, Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp: không có

II. Ban kiểm soát:

1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên BKS; tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành).

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Tỷ lệ Sở hữu CP có quyền biểu quyết
1	Nguyễn Văn Thảo	Trưởng Ban kiểm soát	1,075% (Đại diện 0%; sở hữu 1,075%)
2	Nguyễn Trọng Hùng	TV Ban kiểm soát	0,188% (Đại diện 0%; sở hữu 0,188%)
3	Huỳnh Trúc Nhi	TV Ban kiểm soát	0% (Đại diện 0%; sở hữu 0%)

2. Hoạt động của BKS: đánh giá hoạt động của BKS, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp BKS, nội dung và kết quả của các cuộc họp:

- Các phiên họp thường kỳ: BKS kết hợp với HĐQT họp định kỳ theo quý để đánh giá kết quả hoạt động SXKD, việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên và HĐQT đối với Ban giám đốc và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của BKS.

- Hợp bất thường quyết định các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền quyết định của BKS; sẽ tùy thuộc vào tính chất của sự kiện hoặc thời gian làm việc của các thành viên.

Tổng số buổi họp năm 2024:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Nguyễn Văn Thảo	Trưởng BKS	6/6	100%
2	Nguyễn Trọng Hùng	TV BKS	6/6	100%
3	Huỳnh Trúc Nhi	TV BKS	6/6	100%

III. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ:

*** Thù lao của HĐQT:**

- Chủ tịch Hội đồng quản trị (6.000.000 đồng/quý):
 - 1/ Nguyễn Văn Thanh: $6.000.000 \times 1 = 6.000.000$ đồng/năm
 - 2/ Lê Thành Trung : $6.000.000 \times 3 = 18.000.000$ đồng/năm
- Thành viên Hội đồng quản trị (4.500.000 đồng/quý)
 - 1/ Hồ Văn Nhã : $4.500.000 \times 4 = 18.000.000$ đồng/ năm
 - 2/ Nguyễn Duy Văn : $4.500.000 \times 4 = 18.000.000$ đồng/ năm
 - 3/ Nguyễn Chơn Cường: $4.500.000 \times 4 = 18.000.000$ đồng/ năm
 - 4/ Hoàng Trọng Phước khánh: $4.500.000 \times 4 = 18.000.000$ đồng/năm
 - 5/ Lê Cao Sơn: $4.500.000 \times 4 = 18.000.000$ đồng/ năm
- Thư ký Hội đồng quản trị (2.000.000 đồng/quý):
 - Lê Cao Sơn: $2.000.000 \times 4 = 8.000.000$ đồng/năm

***Lương, thù lao của BKS:**

- Lương Trưởng ban kiểm soát chuyên trách:
 - 1/ Nguyễn Văn Thảo: 142.600.000 đồng/năm
- Thù lao Ban kiểm soát: (3.000.000 đồng/quý)
 - 1/ Nguyễn Trọng Hùng: $3.000.000 \times 4 = 12.000.000$ đồng/năm.
 - 2/ Huỳnh Trúc Nhi: $3.000.000 \times 4 = 12.000.000$ đồng/năm.

***Lương, thu nhập trong năm (Ban điều hành):**

- Hồ Văn Nhã - Giám đốc: 192.500.000 đồng/năm.
- Nguyễn Duy Văn - P Giám đốc: 165.100.000 đồng/năm
- Đặng Hoàng Lâm - P Giám đốc: 180.700.000 đồng/năm
- Trần Quốc Thắng - KTT: 142.600.000 đồng/năm

Công ty cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai

- Huỳnh Trúc Nhi - NVKT: 128.700.000 đồng/năm
- Lê Cao Sơn - PP Kế hoạch: 104.200.000 đồng/năm

2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người có liên quan tới các đối tượng nói trên): không có

3. Hợp đồng hoặc các giao dịch với người nội bộ: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các Công ty con, các Công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng giám đốc), các cán bộ quản lý và những người có liên quan tới các đối tượng nói trên.

4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định phát luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty).

PHẦN VII: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. Ý kiến kiểm toán:

1. Đơn vị kiểm toán đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 phê chuẩn cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán: Chi nhánh Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC

2. Kiểm toán viên: Phạm Văn Sang - Số giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3864-2025-002-1

3. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ: Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “ Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ “ Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây Dựng Cao su Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

II. Báo cáo tài chính được kiểm toán: (xem phần BC tài chính)

Trên đây là toàn bộ báo cáo thường niên năm 2024 Công ty cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai.

Người Đại diện theo Pháp luật

Giám Đốc

Hồ Văn Nhã